

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 90: 2022/DIANA

Ban hành lần 7

SILCOT BÔNG TÂY TRANG CAO CẤP

Hà nội - 2022

Bảng theo dõi sự thay đổi:

TT	Lần sửa đổi	Ngày sửa đổi	Khoản/Mục sửa đổi	Nội dung sửa đổi	R&D	QC
1	01	17-04- 2017	Cập nhật năm	Cũ: - TCCS 90: 2015/DIANA Mới: - TCCS 90: 2017/DIANA		
2	02	01-02- 2018	III.2.c.3	Cũ: - Tổng số vi khuẩn không gây bệnh không lớn hơn: Mới: - Tổng số vi khuẩn hiếu khí không lớn hơn:		
3	03			Bổ sung chỉ tiêu formaldehyt và amin thơm		
4	04	02-05- 2018	Cập nhật năm và tên sản phẩm	Cũ: - TCCS 89: 2017/DIANA - Bông trang điểm Silcot cao cấp Mới: - TCCS 89: 2018/DIANA - Bông trang điểm Silcot Nhật Bản cao cấp		
5	05	22-03- 2019	Đổi tên sản phẩm	Cũ: - Bông trang điểm Silcot Nhật Bản cao cấp Mới: - Silcot Bông trang điểm Nhật Bản cao cấp		

6	06	14-11-2019	Cập nhật năm và tên sản phẩm	Cũ: - TCCS 90: 2018/DIANA - Silcot Bông trang điểm Nhật Bản cao cấp Mới: - TCCS 90: 2019/DIANA - Silcot Bông tẩy trang Nhật Bản cao cấp		
7	07	29-07-2022	-Cập nhật năm -Thành phần	Cũ: - TCCS 90: 2019/DIANA - Bông tự nhiên – 100% cotton Mới: - TCCS 90: 2022/DIANA - Thành phần bề mặt: Bông tự nhiên – 100% cotton		

Mục lục

	Trang
Mục lục	1
Lời mở đầu	2
1 Phạm vi áp dụng	3
2 Kích thước cơ bản của miếng sản phẩm	3
3 Yêu cầu kỹ thuật	4
4 Quy tắc nghiệm thu và phương pháp thử	4
5 Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển, bảo quản	6
6 Tài liệu tham khảo	7

Lời mở đầu

TCCS 90: 2022/DIANA do Công ty cổ phần DIANA UNICHARM biên soạn và ban hành.

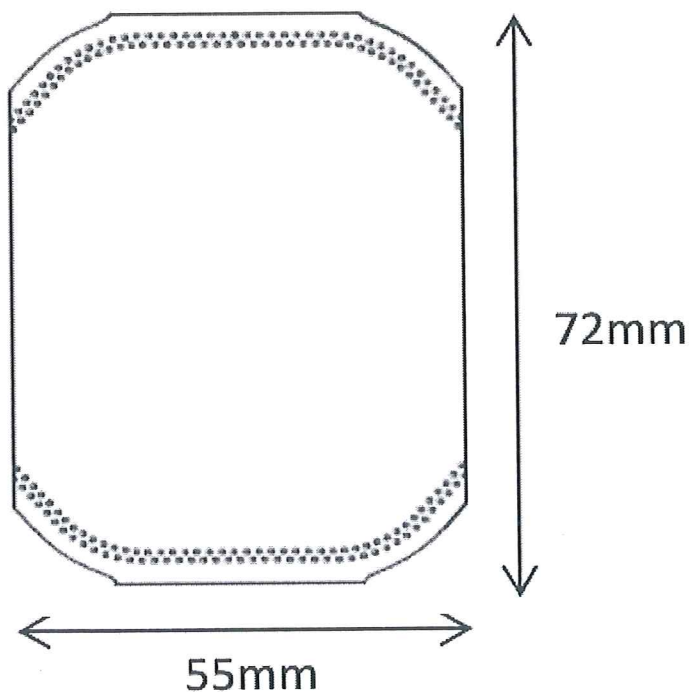
SILCOT BÔNG TÂY TRANG NHẬT BẢN CAO CẤP**I. Phạm vi áp dụng:**

Tiêu chuẩn này áp dụng cho Silcot Bông tây trang Nhật Bản cao cấp do công ty cổ phần DIANA UNICHARM nhập khẩu và phân phối. Sản xuất bởi tập đoàn Unicharm Nhật Bản tại Sumitomo Fudosan Mita Twin Bldg. West Wing, 3-5-27, Mita, Minato-ku, Tokyo, Japan.

II. Kích thước cơ bản của miếng sản phẩm:

(Bảng 1)

Chiều	Kích thước (mm)
Chiều dài miếng sản phẩm (đo chỗ dài nhất) - L	72
Chiều rộng miếng sản phẩm (đo chỗ rộng nhất) - W	55



III. Yêu cầu kỹ thuật :

1. Yêu cầu về nguyên vật liệu:

- ♦ Thành phần bề mặt: Bông tự nhiên – 100% cotton.

2. Yêu cầu đối với sản phẩm:

Sản phẩm Silcot Bông tẩy trang Nhật Bản cao cấp có các chỉ tiêu và mức chất lượng theo qui định dưới đây:

- a) Ngoại quan: Sản phẩm phải sạch, không có bụi, dầu mỡ và các vật lạ khác. Các lớp màng kết dính tốt với lõi bên trong.
- b) Kích thước: Dung sai cho phép theo kích thước +/- 5 mm
- c) Các chỉ tiêu khác:

(Bảng 2)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng
1	Khối lượng miếng:	g	0,6
	Dung sai cho phép theo khối lượng:	%	10
2	Độ pH trên mẫu thử:		6 - 8
3	Tổng số vi khuẩn hiếu khí không lớn hơn:	khuẩn lạc / g	200
4	Tổng số nấm mốc không lớn hơn:	khuẩn lạc / g	100
5	Enterobacteriaceae không lớn hơn	Khuẩn lạc /g	10
6	S. aureus	/ g	Không có
7	P.aeruginosa	/g	Không có
8	Candida albicans	/g	Không có
9	Hàm lượng formaldehyt không vượt quá:	mg/kg	75 (*)

Chú thích: (*) Theo QCVN 01: 2017/BCT.

- d) Sản phẩm phải đảm bảo an toàn vệ sinh theo qui định hiện hành.

IV. Quy tắc nghiệm thu và phương pháp thử:

1. Quy tắc nghiệm thu:

- ♦ Tất cả các lô sản phẩm đều được kiểm tra ngoại quan, các chỉ tiêu cơ lý tại nhà máy ngay trong quá trình sản xuất tuân thủ qui định kiểm soát chất lượng của công ty.
- ♦ Gửi mẫu 6 tháng một lần đến phòng thử nghiệm đủ năng lực được công ty cổ phần Diana Unicharm đánh giá, lựa chọn để kiểm tra tất cả các chỉ tiêu kỹ thuật ở bảng 2. Mẫu được lấy mẫu ngẫu nhiên trong lô sản xuất, số lượng mẫu lấy sao cho đủ để thử nghiệm theo yêu cầu của tiêu chuẩn.
- ♦ Tiêu chuẩn nghiệm thu: không có mẫu không đạt.

2. Phương pháp thử:

2.1. Xác định khối lượng:

- a) Dụng cụ đo: dùng cân có độ chính xác đến 0,1g.
- b) Tiến hành: đặt mẫu thử lên cân, cân từng mẫu, ghi kết quả chính xác đến 0,1 g.
- c) Lặp lại phép đo với 10 mẫu
- d) Tính toán kết quả: tính giá trị trung bình của các lần đo.

2.2. Xác định kích thước:

- a) Dụng cụ đo: thước, có độ chính xác đến 1 mm.
- b) Tiến hành: Xé bỏ bao gói miếng, đặt miếng sản phẩm mẫu trên bề mặt phẳng. Sau đó đo chiều dài, chiều rộng của miếng sản phẩm tại các vị trí đã được quy định tại mục II (Kích thước cơ bản của miếng sản phẩm).
- c) Lặp lại phép đo với 3 mẫu
- d) Tính toán kết quả: lấy giá trị trung bình các lần đo.

2.3. Xác định độ pH:

- a) Dụng cụ và hoá chất:
 - ♦ pH mét điện cực thuỷ tinh và calomen.
 - ♦ Cốc 1000 ml.
 - ♦ Dung dịch chuẩn pH = 7.
- b) Tiến hành thử:
 - ♦ Bỏ màng ngăn thấm PE.
 - ♦ Cắt khúc giữa miếng sản phẩm cân lấy 10 g cho vào cốc 200 ml nước cất.

- ♦ Đun sôi cốc trong 5 phút. Trong quá trình đun luôn thêm nước để giữ thể tích ban đầu.
- ♦ Để nguội rồi đem xác định pH bằng máy đo pH.
- ♦ Lặp lại phép đo với 3 mẫu.

c) Tính toán kết quả: lấy giá trị trung bình của các lần đo.

2.4. Xác định độ nhiễm khuẩn:

Theo TCVN 4884: 2005

2.5. Xác định nấm mốc:

Theo TCVN 10584: 2014

2.6. Xác định *St.aureus*/g:

Theo TCVN 6972: 2008(m)

2.7. Xác định *Enterobacteriaceae* /g:

Theo TCVN 6972: 2008(m)

2.8. Xác định *Ps.aeruginosa* /g:

Theo TCVN 6972: 2008(m)

2.9. Xác định *Candida albicans*:

Theo TCVN 6972: 2008(m)

2.10. Xác định hàm lượng Formaldehyt:

Theo QCVN 01: 2017/BCT

V. Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển, bảo quản:

1. Bao gói:

Nhập khẩu nguyên gói. Các miếng sản phẩm được đóng vào hộp giấy, hàn kín với số lượng được quy định tùy theo loại sản phẩm, kích cỡ và từng trường hợp cụ thể. Ngoài ra, các hộp sản phẩm còn có thể được đóng vào các bao bì khác để phục vụ mục đích vận chuyển.

2. Ghi nhãn: theo Nghị định 43/2017/NĐ - CP

Trên vỏ hộp giấy được ghi nhãn với đầy đủ các nội dung chính sau:

- ♦ Tên cơ sở;
- ♦ Địa chỉ cơ sở;
- ♦ Tên sản phẩm;
- ♦ Nhãn hiệu sản phẩm;
- ♦ Số lượng;

- ♦ Thành phần chính cấu tạo nên sản phẩm;
- ♦ Hướng dẫn sử dụng;
- ♦ Thông tin, cảnh báo vệ sinh, an toàn;
- ♦ Thông số kỹ thuật;
- ♦ Ngày sản xuất;
- ♦ Hạn sử dụng;
- ♦ Dấu hợp quy (CR);
- ♦ Sản xuất theo tiêu chuẩn TCCS 90: 2022/DIANA

3. Vận chuyển:

Bằng các phương tiện đảm bảo tránh mưa nắng. Không chuyên chở chung với các hoá chất gây cháy, ăn mòn, gây kích ứng, các chất bốc mùi khác.

4. Bảo quản:

Đề hàng trong kho có mái che, khô ráo, thoáng mát, kê cách mặt đất tối thiểu 15 cm.

VI. Tài liệu tham khảo:

TCVN 1 – 2: về trình bày và thể hiện nội dung tiêu chuẩn quốc gia

TCVN 4884: 2005: Xác định độ nhiễm khuẩn

TCVN 10584: 2014: Xác định nấm mốc

TCVN 6972: 2008(m): Xác định *St.aureus*/g

TCVN 6972: 2008(m): Xác định *Enterobacteriaceae* /g

TCVN 6972: 2008(m): Xác định *Ps.aeruginosa* /g

TCVN 6972: 2008(m): Xác định *Candida albicans*

QCVN 01: 2017/BCT: Xác định hàm lượng Formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo.
